

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 177/2023/DS-PT

Ngày 30 – 3 – 2023

V/v Tranh chấp “Đòi tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Ái Đoan;

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 434/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp “Đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 73/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn Út E, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Ông Trần Công D, sinh năm 1948;

2. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1950;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:

Anh Lê Thanh P, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (theo Giấy ủy quyền ngày 19/9/2023 của UBND xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang).

- Người kháng cáo: bị đơn ông Trần Công D và bà Nguyễn Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm;

** Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Lê Văn Út E trình bày:*

Do là chỗ quen biết, bà con thân quen lâu năm nên ông Út E đã nhiều lần cho ông D, bà G mượn vàng, cụ thể như sau:

- Ngày 16/4/2015 bà Nguyễn Thị G mượn ông 20 chỉ vàng 24Kr, bà G hứa ngày 19/5/2015 (âm lịch) sẽ trả lại ông. Lúc đó bà G điện thoại cho ông để hỏi mượn ông 20 chỉ vàng 24Kr, nên ông mới đem vàng xuống nhà cho bà G mượn, bà G mượn mục đích để làm ăn. Lúc giao vàng thì ông Út E giao trực tiếp cho bà G, lúc đó ông D cũng có ở nhà. Thời điểm ông đưa vàng là cùng lúc với thời điểm viết biên nhận là ngày 16/4/2015. Lúc đó ông D không ký vì ông D nói thôi để bà G ký tên được rồi. Lúc cho mượn vàng không có lãi suất. Nội dung của biên nhận ngày 16/4/2015 do ông Út E viết, rồi bà G ký tên. Từ lúc cho mượn đến nay thì bà G và ông D không có trả cho ông số vàng nào cả. Đến hạn bà G không trả như đã hứa mà còn đến nhà ông mượn của ông thêm 20 chỉ vàng 24Kr. Do lúc đó ông D bà G năn nỉ sẽ bán đất để trả nợ nên ông mới cho ông D, bà G mượn thêm 20 chỉ vàng 24Kr vào ngày 16/5/2015 (âm lịch). Lúc đó ông đưa trực tiếp vàng cho ông D, bà G. Lúc cho mượn có làm biên nhận đề ngày 16/5/2015 (âm lịch). Thời điểm cho mượn vàng và thời điểm viết biên nhận là cùng một ngày. Nội dung biên nhận do ông viết, ông D và bà G có ký tên. Cả hai lần mượn vàng thì không có ai chứng kiến.

Nhưng đến hạn ông D, bà G không trả và ông có nhiều lần đến nhà ông D, bà G để yêu cầu ông D, bà G trả lại cho ông E 40 chỉ vàng 24Kr nhưng ông D, bà G vẫn không trả.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Công D và bà Nguyễn Thị G phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tài sản là 40 chỉ vàng 24Kr, trả một lần.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Trần Công D trình bày:*

Ông không có vay vàng của ông Lê Văn Út E như ông Út E trình bày. Ông không có mối quan hệ quen biết gì với ông Út E. Từ trước đến nay thì ông không có mượn tiền hay vàng của ông Út E. Chữ ký trong biên nhận mượn vàng đề ngày 16/4/2015 và giấy mượn vàng đề ngày 16/5/2015 (âm lịch) do ông Út E cung cấp cho tòa thì phần chữ ký phía dưới chỗ người mượn ký không phải là chữ ký và chữ viết của ông. Trước đây tòa án gửi thông báo yêu cầu ông làm đơn yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của ông trong hai biên nhận do nguyên đơn cung cấp cho tòa, nhưng ông không có làm đơn yêu cầu tòa làm thủ tục giám định vì ông không có cung cấp được mẫu chữ ký của ông để cung cấp cho tòa làm giám định, từ trước tới nay thì ông không có ký tên giao dịch với các cơ quan nào hết. Ông cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh chữ ký và chữ viết trong biên nhận mượn vàng đề ngày 16/4/2015 và giấy mượn vàng đề ngày 16/5/2015 (âm lịch) không phải là chữ

ký và chữ viết của ông. Nên nay ông D không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông E. Ông yêu cầu Tòa án xem xét thời hiệu khởi kiện đối với quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản mà ông E đang khởi kiện.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:*

Bà không có mượn vàng của ông Út E. Đối với biên nhận mượn vàng đề ngày 16/4/2015 mà nguyên đơn ông Út E cung cấp cho tòa thì bà có ký tên vào biên nhận, nhưng lúc đó do ông Út E dẫn theo nhiều người đến nhà bà đe dọa và bắt ép bà ký tên vào biên nhận, việc ông E dẫn theo nhiều người đến nhà bà ép bà ký tên thì bà có hình ảnh trích xuất từ camera và cung cấp tại phiên tòa, ngoài những hình ảnh bà cung cấp cho tòa thì bà không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông Út E ép bà ký tên vào biên nhận, cũng không có ai chứng kiến sự việc đó vì lúc đó chỉ có một mình bà ở trong nhà, ông D thì ở ngoài vườn, khi ông D nghe ồn ào thì ông D mới vô nhà, lúc đó thì ông Út E cũng đi về. Còn đối với giấy mượn vàng đề ngày 16/5/2015 (âm lịch) thì chữ ký G và ghi Nguyễn Thị G ở phía dưới phần người mượn ký không phải là chữ ký và chữ viết của bà. Trước đây tòa án gửi thông báo yêu cầu bà làm đơn yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết của bà trong hai biên nhận do nguyên đơn cung cấp cho tòa, nhưng bà không có làm đơn yêu cầu tòa làm thủ tục giám định vì bà không có cung cấp được mẫu chữ ký của bà để cung cấp cho tòa làm giám định, từ trước tới nay thì bà không có ký tên giao dịch với các cơ quan nào hết. Bà yêu cầu Tòa án xem xét thời hiệu khởi kiện đối với quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản mà ông Út E đang khởi kiện.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 2, 4 Điều 91; Điều 271, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 155, Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Út E.

Buộc bị đơn ông Trần Công D, bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Văn Út E 40 (Bốn mươi) chỉ vàng 24K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 19/9/2022, bị đơn ông Trần Công D và bà Nguyễn Thị G có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang; yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Lê Văn Út E vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người đại diện theo ủy quyền của ông D và bà G vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết yêu cầu kháng cáo: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo và chấp nhận yêu cầu xin miễn án phí sơ thẩm, phúc thẩm của bị đơn. Sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Về tố tụng:

Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do ông Trần Công D và bà Nguyễn Thị G nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật phát sinh tranh chấp yêu cầu giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Đòi tài sản” là đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phù hợp với quy định pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 155 của Bộ luật dân sự thì tranh chấp này không áp dụng thời hiệu khởi kiện, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét áp dụng thời hiệu theo yêu cầu của bị đơn là đúng quy định.

[2] Về nội dung xét kháng cáo:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn căn cứ vào các chứng cứ là “Biên nhận mượn vàng” ngày 16/4/2015 (bl 56) và “Giấy mượn vàng” ngày 16/5/2015 AL (bl 57).

Bị đơn D và G kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, với lý do là bị đơn không có mối quan hệ quen biết gì với nguyên đơn và không có vay mượn gì hay nhận tiền, vàng từ nguyên đơn (bl 81).

Nhận thấy:

- “Biên nhận mượn vàng” ngày 16/4/2015 (bl 56), nội dung ghi: “ ... Tôi tên Nguyễn Thị G ... có mượn của ông Lê Văn Út E 2 cây vàng 24k ... hứa ngày 19 âm lịch tháng 5/2015 sẽ trả ...” có chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thị G. Theo biên nhận, ông D không thừa nhận có nhận vàng cũng như không có biết bà G mượn ông Út E số vàng này. Bà G thừa nhận chữ ký tên, chữ viết họ tên là của mình nhưng khai nại là bị ông Út E ép buộc ký, viết họ tên vào biên nhận.

- “Giấy mượn vàng” ngày 16/5/2015 AL (bl 57) nội dung ghi: “... Tôi tên Nguyễn Thị G ...có mượn của ông Lê Văn Út E 2 cây vàng 24k và chị G và anh chồng chị G có hứa ngày 25/8 âm lịch 2015 sẽ trả ...” có chữ ký, ghi họ tên người mượn là Nguyễn Thị G, Trần Công D. Bà G và ông D không thừa nhận chữ ký tên, chữ viết họ tên này là của ông bà.

Xét thấy:

- Đối với “Giấy mượn vàng” ngày 16/4/2015 AL (bl 56) có nội dung: bà G mượn của nguyên đơn Út E hai cây vàng 24k, bà G thừa nhận có ký tên và viết họ tên, nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh là bà G bị ông Út E ép buộc khi ký và viết họ tên của mình vào giấy mượn vàng ngày 16/4/2015 AL, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà G, ông D có nghĩa vụ trả cho ông Út E hai cây vàng 24k. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà G trình bày: chữ ký tên, ghi họ tên Nguyễn Thị G theo giấy mượn vàng ngày 16/4/2015 AL nêu trên không phải do bà G ký, viết họ tên; lời khai này mâu thuẫn với chính lời khai của bà G cấp sơ thẩm nên không được chấp nhận.

Xét thấy, bà G không thừa nhận có mượn vàng, ông D không biết không nghe bà G có mượn hai cây vàng 24k của ông Út E; quá trình giải quyết sơ thẩm bà G không có tài liệu chứng cứ chứng minh là có bị sự ép buộc của ông Út E khi ký tên vào biên nhận; tại phiên tòa phúc thẩm bà G không cung cấp được thêm chứng cứ nào khác nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông bà, giữ nguyên án sơ thẩm về việc buộc vợ chồng bà G ông D có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Út E hai cây vàng 24k theo “Giấy mượn vàng” ngày 16/4/2015 AL.

- Đối với “Giấy mượn vàng” ngày 16/5/2015 AL (bl 57), bà G và ông D không thừa nhận chữ ký tên, viết họ tên là của ông bà, nhưng cấp sơ thẩm lại ban hành thông báo cho ông bà thực hiện yêu cầu giám định chữ ký tên, chữ viết họ tên của mình là không phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật dân sự; Bởi lẽ, theo quy định tại điều luật này “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*” thì bị đơn không phải chứng minh, mà nghĩa vụ chứng minh này là của nguyên đơn Út E theo quy định của khoản 1 Điều 91 Bộ luật dân sự.

Qua diễn biến phiên tòa phúc thẩm ngày 21/02/2023, ông Út E có yêu cầu giám định chữ ký tên, chữ viết họ tên Nguyễn Thị G, Trần Công D ghi trong “Giấy mượn vàng” ngày 16/5/2015 AL; và Hội đồng xét xử cho tạm ngừng phiên tòa nhưng sau đó ông Út E không thực hiện tiếp thủ tục giám định. Tại phiên tòa hôm nay, ông Út E có ý kiến từ bỏ yêu cầu giám định nêu trên. Như vậy, khi bị đơn ông D, bà G không thừa nhận chữ ký tên, chữ viết họ tên trong “Giấy mượn vàng” ngày 16/5/2015 AL, và nguyên đơn Út E không có yêu cầu giám định; đồng thời, ông Út E không có cung cấp chứng cứ mới nào khác để chứng minh chữ ký chữ viết họ tên Nguyễn Thị G, Trần Công D ghi trong “Giấy mượn vàng” ngày 16/5/2015 AL là do bà G, ông D thực hiện, nên không có căn cứ buộc bà G – ông D có nghĩa vụ liên đới trả hai cây vàng 24k cho ông Út E, cần sửa án sơ thẩm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà G và ông D, sửa một phần bản án sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã C.

[3] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí: Án sơ thẩm căn cứ giá vàng 24kr tại thời điểm xét xử 01 chỉ vàng 24kr là 5.140.000 đồng, nên:

Ông Út E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận là $5.140.000đ \times 20 \text{ chỉ} \times 5\% = 5.140.000 \text{ đồng}$.

Ông D và bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5.140.000đ \times 20 \text{ chỉ} \times 5\% = 5.140.000 \text{ đồng}$; Ông D - bà G có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Ông D và bà G không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 91, Điều 92; Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 155, Điều 166 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 12, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị G và ông Trần Công D.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 75/2022/DS-ST ngày 08/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn Út E.

Buộc bị đơn ông Trần Công D, bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Văn Út E 02 (hai) cây vàng 24Kr (tức 20 chỉ vàng 24kr) theo “Giấy mượn vàng” ngày 16/4/2015 AL; thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Út E về yêu cầu ông Trần Công D, bà Nguyễn Thị G liên đới trả 02 (hai) cây vàng 24Kr (tức 20 chỉ vàng 24kr) theo “Giấy mượn vàng” ngày 16/5/2015 AL.

2. Về án phí:

Ông Trần Công D và bà Nguyễn Thị G không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Lê Văn Út E chịu 5.140.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0002382 ngày 11 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang, nên ông Út E còn phải nộp tiếp 140.000 đồng.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (30/3/2023).

Nơi nhận:

- TACC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã C;
- THADS thị xã C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Minh Nguyệt